



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 8

Số 64 (15/8/2008)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
THÀNH PHỐ		
28-7-2008	Quyết định số 3235/QĐ-UBND về duyệt điều chỉnh phương án bù giá nước cung cấp cho huyện Cần Giờ.	3
31-7-2008	Quyết định số 64/2008/QĐ-UBND điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phân xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	6
31-7-2008	Chỉ thị số 16/2008/CT-UBND về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố năm 2009.	9
31-7-2008	Quyết định số 3291/QĐ-UBND về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) quận 1.	19

- 01-8-2008 - Quyết định số 3319/QĐ-UBND về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Bắc Xa lộ Hà Nội, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. 26

QUẬN 4

- 28-7-2008 - Nghị quyết số 44/2008/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008. 36
- 28-7-2008 - Nghị quyết số 45/2008/NQ-HĐND về điều chỉnh kế hoạch đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngân sách tập trung do Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận 4 quản lý trong năm 2008. 43
- 28-7-2008 - Nghị quyết số 46/2008/NQ-HĐND về phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách quận 4 năm 2007. 46
- 28-7-2008 - Nghị quyết số 47/2008/NQ-HĐND về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2008. 49

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3235/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt điều chỉnh phương án bù giá nước
cung cấp cho huyện Cần Giờ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 61/2001/QĐ-UB ngày 23 tháng 7 năm 2001 và Quyết định số 56/2005/QĐ-UB ngày 12 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt và điều chỉnh phương án bù giá nước cung cấp cho huyện Cần Giờ;

Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Thông báo số 214/TB-VP ngày 17 tháng 3 năm 2008 thông báo kết luận của Chủ tịch Lê Hoàng Quân tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ ngày 11 tháng 3 năm 2008;

Xét Tờ trình số 6974/LS-TC-GTVT ngày 17 tháng 7 năm 2008 của Liên Sở Tài chính - Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh phương án bù giá nước cung cấp cho huyện Cần Giờ như sau:

1.1. Đơn giá một mét khối (m³) nước cung cấp cho huyện Cần Giờ được ấn định thống nhất trên toàn địa bàn như sau: Nước dùng cho sinh hoạt 2.700 đồng/m³; nước

dùng cho sản xuất 4.500 đồng/m³; nước dùng cho cơ quan hành chính sự nghiệp 6.000 đồng/m³; nước dùng cho kinh doanh thương mại, dịch vụ 8.000 đồng/m³.

1.2. Định mức sử dụng nước sạch của người dân huyện Cần Giò được áp dụng theo Quyết định số 154/QĐ-UB ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Đơn giá nước cấp bù:

STT	Các địa điểm cung cấp nước	Đơn giá cấp bù nước sinh hoạt (đ/m ³)	Đơn giá cấp bù nước sản xuất (đ/m ³)	Đơn giá cấp bù nước HCSN (đ/m ³)	Đơn giá cấp bù nước KD DV (đ/m ³)
01	Hào Võ - Long Hòa	30.974	29.174	27.674	25.674
02	Hòa Hiệp - Long Hòa	39.506	37.706	36.206	34.206
03	Đồng Hòa - Long Hòa	40.928	39.128	37.628	35.628
04	Bình Phước - Bình Khánh	15.780	13.980	12.480	10.480
05	Bình Thạnh - Bình Khánh	18.624	16.824	15.324	13.324
06	An Hòa - Tam Thôn Hiệp	22.442	20.642	19.142	17.142
07	An Lộc - Tam Thôn Hiệp	22.442	20.642	19.142	17.142
08	Trần Hưng Đạo - TTH	19.598	17.798	16.298	14.298
09	An Hòa - An Thới Đông	21.968	20.168	18.668	16.668
10	Đoi Lầu - An Thới Đông	27.656	25.856	24.356	22.356
11	An Nghĩa - An Thới Đông	23.864	22.064	20.564	18.564
12	Trường cai nghiệm TNXP	26.234	24.434	22.934	20.934
13	Vàm Sát 1 - Lý Nhơn	25.286	23.486	21.986	19.986
14	Vàm Sát 2 - Lý Nhơn	25.760	23.960	22.460	20.460
15	Lý Thái Bửu - Lý Nhơn	28.604	26.804	25.304	23.304
16	Tân Điền - Lý Nhơn	29.078	27.278	25.778	23.778
17	Thiêng Liêng - Thạnh An	32.596	30.796	29.296	27.296
18	Thạnh Hòa - Thạnh An	36.388	34.588	33.088	31.088
19	Các tiểu khu rừng PH	19.908	18.108	16.608	14.608
20	Xã Cần Thạnh	36.232	34.432	32.932	30.932

1.4. Thời điểm thực hiện điều chỉnh cấp bù giá nước: áp dụng từ ngày Quyết định điều chỉnh có hiệu lực cho đến khi có quy định mới của Ủy ban nhân dân thành phố.

1.5. Giao Sở Tài chính phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt bổ sung dự toán năm 2008 cho ngân sách huyện Cần Giờ.

1.6. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chịu trách nhiệm trong việc quản lý, kiểm tra, cấp phát và quyết toán kinh phí cấp bù giá nước sạch trên địa bàn huyện Cần Giờ theo đúng quy định.

1.7. Các điều khoản khác của Quyết định số 61/2001/QĐ-UB ngày 23 tháng 7 năm 2001 và Quyết định số 56/2005/QĐ-UB ngày 12 tháng 4 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt và điều chỉnh phương án bù giá nước cung cấp cho huyện Cần Giờ không thay đổi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc Công ty Cấp nước thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 64/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Quyết định
số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban
nhân dân thành phố ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư
phần xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ và Nghị định số 47/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 176/1999/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 95/2005/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ; Thông tư số 02/2007/TT-BTC ngày 08 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2005/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Quyết định số 69/2005/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về phân công, phân cấp quản lý nhà nước về giá trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 4053/SXD-QLKTXD ngày 17 tháng 6 năm 2008 về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20

tháng 02 năm 2008 ban hành Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 6693/STC-BVG ngày 10 tháng 7 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Biểu giá chuẩn về suất vốn đầu tư phần xây dựng công trình ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 như sau:

1. Điều chỉnh một số đơn giá trong Biểu giá chuẩn như sau:

STT	Loại công trình	Đơn vị	Suất vốn đầu tư		
			Móng nông hoặc cọc $L \leq 15m$	Móng cọc các loại $L > 15m$	
	1	3	4	5	
2	Biệt thự lầu	2. Khung, sàn BTCT, tường gạch, mái lợp ngói có trần, nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	2.250.000	2.300.000
		3. Khung, sàn BTCT, tường gạch, mái lợp tole có trần, nền lát gạch ceramic các loại hay tương đương.	đồng/m ²	2.150.000	2.250.000
4	Nhà ở ≤ 4 tầng	3. Cột, đà, sàn BTCT, tường gạch, mái lợp tole, có trần, nền lát gạch xi măng ceramic hoặc tương đương.	đồng/m ²	2.050.000	2.100.000

2. Điều chỉnh nội dung tại mục 4 phần Ghi chú trong Biểu giá chuẩn như sau:

“4. Trong trường hợp sử dụng vào mục đích tính lệ phí trước bạ nhà, công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Thông tư số 95/2005/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2005 và Thông tư số 02/2007/TT-BTC ngày 08 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan”.

3. Bổ sung một số đơn giá trong Biểu giá chuẩn như sau:

STT	Loại công trình	Đơn vị	Suất vốn đầu tư xây dựng mới (đồng)
1	Hồ nước ngầm, bể tự hoại xây gạch dung tích > 50m ³	đồng/m ³	1.400.000
2	Tường rào xây gạch dày 10cm	đồng/m ²	290.000
3	Tường rào xây gạch dày 20cm	đồng/m ²	350.000
4	Rào lưới B40 có khung sắt	đồng/m ²	280.000
5	Rào lưới B40 có khung gỗ	đồng/m ²	130.000
6	Rào kẽm gai	đồng/m ²	50.000

Điều 2. Giao Sở Xây dựng hướng dẫn những trường hợp phát sinh cụ thể chưa nêu trong Biểu giá chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố và Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung khác của Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố không sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2008/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2008

CHỈ THỊ

Về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố năm 2009

Triển khai Nghị quyết của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Nhà nước năm 2008; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008, các ngành, các cấp, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và các tầng lớp nhân dân thành phố đã không ngừng nỗ lực, phấn đấu, chủ động, sáng tạo vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đẩy mạnh đầu tư phát triển và duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, nhiệm vụ đề ra trong những tháng còn lại của năm 2008 là rất nặng nề; trong khi tình hình lạm phát trên thế giới chưa có dấu hiệu suy giảm, các nhân tố làm mất ổn định kinh tế toàn cầu vẫn còn tiềm ẩn, nhất là giá dầu biến động phức tạp sẽ tác động đến giá các loại nhiên liệu, nguyên vật liệu sản xuất khác; những biến đổi khó lường về khí hậu, thời tiết làm gia tăng mưa bão, lũ lụt, động đất, sẽ tiếp tục có khả năng tác động tiêu cực đối với sản xuất và đời sống của nhân dân.

Nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần X, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và triển khai thực hiện Chỉ thị số 723/CT-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2009; trên cơ sở những kết quả đạt được về thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội hai năm rưỡi vừa qua, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị Thủ trưởng các sở - ban - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, Giám đốc các Tổng Công ty, Công ty nhà nước thuộc thành phố khẩn trương thực hiện những nội dung sau:

A. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2009

I. Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố năm 2009

Nhiệm vụ chung của năm 2009 là tiếp tục tập trung thực hiện mục tiêu góp phần kiềm chế lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững.

Các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Kinh tế

a) Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, tạo chuyển biến mạnh hơn về chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. **Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng 12% trở lên**, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình hành động hội nhập kinh tế quốc tế 2007 - 2010, Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế 2006 - 2010, trong đó tập trung phát triển các ngành dịch vụ cao cấp, các sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng cao; tăng cường đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao chất lượng, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

b) Phối hợp chặt chẽ hơn với các Bộ - ngành, các Hiệp hội ngành hàng để hỗ trợ doanh nghiệp khắc phục khó khăn, duy trì và đẩy mạnh sản xuất, nhất là những sản phẩm chủ lực và hàng xuất khẩu. Tập trung hỗ trợ để tăng nhanh sản lượng đối với những mặt hàng xuất khẩu đang có khả năng mở rộng thị trường; đồng thời, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác xúc tiến thương mại, khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu. Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch; phát triển nhanh các cơ sở hạ tầng du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách trong và ngoài nước.

c) Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm góp phần kiềm chế lạm phát. Triển khai đồng bộ các biện pháp đẩy mạnh phát triển sản xuất và dịch vụ, bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa và có dự trữ, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Tăng cường kiểm tra, kiểm soát thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại; triển khai quy hoạch mở rộng, củng cố mạng lưới, hệ thống bán buôn, bán lẻ để chủ động trong phân phối, lưu thông hàng hóa; đảm bảo phục vụ tốt nhất nhu cầu của nhân dân thành phố với giá cả hợp lý trong mọi tình huống.

d) Tăng cường cải thiện môi trường đầu tư trong và ngoài nước; tập trung huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển. **Phấn đấu huy động vốn đầu tư trên địa bàn đạt khoảng 115.263 tỷ đồng trở lên, tương ứng 37,2% GDP**. Đẩy nhanh tốc độ tăng vốn đầu tư toàn xã hội trên cơ sở phát triển mạnh và quản lý tốt các hình thức đầu tư gián tiếp, đa dạng hóa các nguồn vốn đầu

tư, thu hút mạnh hơn vốn đầu tư nước ngoài và vốn đầu tư của khu vực dân doanh, trong đó tập trung thu hút và chuyển giao các thành tựu khoa học công nghệ, kỹ thuật cao, đáp ứng yêu cầu phát triển thành phố.

đ) Nâng cao chất lượng xây dựng và quản lý quy hoạch đô thị; tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với những khu vực đã quy hoạch chi tiết; điều chỉnh, bãi bỏ quy hoạch không còn phù hợp, không khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nhiệm vụ phát triển thành phố. Tăng cường giám sát, kiểm tra các dự án đầu tư xây dựng cơ bản về tiến độ và chất lượng; giải ngân nhanh các nguồn vốn đầu tư phát triển, nhất là các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu; tập trung vốn cho các công trình trọng điểm và các công trình có khả năng đưa vào khai thác, sử dụng trong năm 2009. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ công trình Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Khu Công nghệ cao thành phố và Chương trình nhà ở. Phát triển và nâng cao chất lượng vận tải, bảo đảm lưu thông hàng hóa và đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân.

e) Tăng cường phát triển nguồn và mạng cấp nước đô thị. Tiếp tục thực hiện chương trình chống và xóa ngập nước nội thị. Sử dụng hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo đảm cân bằng sinh thái, bảo tồn thiên nhiên và giữ gìn đa dạng sinh học. Tập trung giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường (đất, nước, không khí, tiếng ồn) ở các khu dân cư, các khu chế xuất - khu công nghiệp, các cụm công nghiệp, khu đô thị mới; tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của toàn xã hội trong gìn giữ và bảo vệ môi trường. Đồng thời, nghiên cứu, có giải pháp nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, ứng cứu kịp thời và khắc phục hậu quả xấu do thiên tai gây ra. Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai; ứng cứu kịp thời và khắc phục hậu quả xấu do thiên tai gây ra.

2. Nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo an sinh xã hội và các vấn đề xã hội khác

a) Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư lĩnh vực văn hóa - xã hội, xã hội hóa dịch vụ công. Có chính sách thu hút, sử dụng nhân tài và đội ngũ trí thức phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Đổi mới quản lý nhà nước, mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp và tăng cường đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, phát triển hệ thống an sinh xã hội; tạo điều kiện thuận lợi để nâng cao năng lực khoa học công nghệ thành phố và đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào các lĩnh vực của đời sống xã hội.

b) Xây dựng, phát triển văn hóa theo hướng văn minh, hiện đại, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động và tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện nếp sống văn minh đô thị. Tổ chức có hiệu quả các chương trình tuyên truyền, cổ động, các hoạt động lễ hội phục vụ các ngày lễ lớn trong năm. Xây dựng và triển khai cơ chế khuyến khích, tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia phát triển sự nghiệp thể dục - thể thao; đảm bảo chương trình giáo dục thể chất trong các trường học, nhất là các cấp học phổ thông.

c) Tăng cường công tác quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, không để xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm tập thể trên địa bàn. Tiếp tục thực hiện các chương trình quốc gia về chăm sóc sức khỏe có mục tiêu, thực hiện các chương trình y tế chuyên sâu; thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, chủ động đối phó với các dịch bệnh phát sinh trên địa bàn thành phố.

d) Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 7 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; về xây dựng giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Triển khai tốt các quy định pháp luật về lao động; khuyến khích giới chủ tạo điều kiện để công nhân gắn bó lâu dài với doanh nghiệp; giải quyết hài hòa mối quan hệ về quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và của Nhà nước.

đ) Giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế, tăng cường chăm lo cải thiện và nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Tập trung đảm bảo các chính sách an sinh xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân, nhất là người nghèo, nông dân, công nhân lao động có thu nhập thấp. Đẩy mạnh phong trào Đền ơn đáp nghĩa, tích cực chăm lo cho diện chính sách, các đối tượng xã hội, người già, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, cơ nhỡ. Triển khai Đề án Giảm nghèo, tăng hộ khá giai đoạn 2009 - 2019 với tiêu chí mới (áp dụng trong giai đoạn 2009 - 2011), nhằm nâng cao mức sống của hộ dân nghèo, giảm dần khoảng cách giàu nghèo. Thường xuyên rà soát, tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí và chính sách huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân.

e) Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu 3 giảm; triển khai Luật Phòng, chống ma túy, thực hiện kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng cho người sau cai nghiện. Tập trung mở các đợt cao điểm tấn công các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; bố trí lực lượng tuần tra bảo vệ an toàn các mục tiêu chính trị, kinh tế, văn hóa quan trọng trên

địa bàn; kiểm tra công tác quản lý các loại vũ khí, vật liệu nổ, phấn đấu kéo giảm đến mức thấp nhất tệ nạn xã hội và phạm pháp hình sự. Đẩy mạnh việc triển khai kế hoạch phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong công tác đảm bảo quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn giao thông trên địa bàn thành phố. Tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy trong mùa khô, có kế hoạch kiểm tra và xử phạt nghiêm đối với các trường hợp vi phạm an toàn phòng cháy, chữa cháy; triển khai công tác phòng, chống lụt, bão; chống ngập do triều cường.

3. Đẩy mạnh cải cách hành chính; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng

Tiếp tục xây dựng nền hành chính phục vụ nhân dân, trong sạch, công khai, dân chủ, hiệu lực và hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của thành phố.

a) Đẩy mạnh triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính đến năm 2010 kết hợp tập trung triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa X về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước đến năm 2010; trong đó, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, đổi mới tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của các cơ quan Nhà nước; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước; hoàn thiện và chuẩn hóa mô hình áp dụng cơ chế “một cửa liên thông” tại cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn thành phố.

b) Tập trung triển khai thực hiện Đề án thí điểm Chính quyền đô thị; trong đó có việc thực hiện thí điểm việc không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường; thí điểm việc nhân dân trực tiếp bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã sau khi Bộ Chính trị và Chính phủ phê duyệt. Triển khai Chương trình Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức hành chính nhà nước giai đoạn 2008 - 2010 (ban hành kèm theo Quyết định số 770/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ), đáp ứng những yêu cầu cấp bách, những thách thức mới đối với đội ngũ công chức hành chính nhà nước khi nước ta ngày càng hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới.

c) Thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước các ngành, các cấp; phổ biến rộng rãi và niêm yết công khai quy chế, quy trình và các thủ tục hành chính rõ ràng, cụ thể tại công sở. Phát huy dân chủ cơ sở, tăng cường đối thoại giữa các ngành, các cấp với cộng đồng doanh nghiệp và dân cư.

d) Tiếp tục duy trì thực hiện việc tiết kiệm 10% chi thường xuyên hàng năm; thường xuyên rà soát, cắt giảm, đình hoãn các dự án chậm triển khai, các dự án chưa cấp thiết. Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng trong công tác kiểm tra, thanh tra; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các địa phương, đơn vị; thực hiện tốt Quy chế giám sát ở cộng đồng.

đ) Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, công chức, viên chức gắn với thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”.

e) Tập trung tổ chức hoạt động có hiệu quả Ban Chỉ đạo thành phố về Phòng, chống tham nhũng theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng. Kết hợp chặt chẽ và tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các Chương trình hành động của Thành ủy về cải cách hành chính, chống quan liêu; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng; nhất là trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, thu chi ngân sách, quản lý tài chính công, công tác đề bạt và bố trí cán bộ. Triển khai thực hiện tốt Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

II. Nhiệm vụ xây dựng dự toán ngân sách thành phố năm 2009

Năm 2009 là năm thứ ba trong thời kỳ ổn định ngân sách địa phương 2007 - 2010. Dự toán ngân sách thành phố năm 2009 được xây dựng trên cơ sở nguồn thu, nhiệm vụ chi đã được phân cấp, tỷ lệ phân chia nguồn thu và số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố cho ngân sách quận - huyện theo mức đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII quyết nghị tại Nghị quyết số 60/200/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2006; đồng thời phải gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006-2010 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp lần thứ 12 khóa VII cũng như khả năng thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và thu chi ngân sách năm 2008. Các sở - ban - ngành, quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước tổ chức xây dựng dự toán ngân sách năm 2009 theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước, Chỉ thị số 723/CT-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2009, Thông tư số 54/2008/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2009 và các văn bản có liên quan. Trong đó, chú ý các nội dung sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phải được xây dựng theo hướng tích cực, vững chắc, có tính khả thi cao với mức động viên phấn đấu đạt trên 22% GDP của thành phố; trong đó xây dựng dự toán thu nội địa trên cơ sở dự báo tăng trưởng kinh tế, mức độ tăng của chỉ số giá tiêu dùng và nguồn thu năm 2009 đối với từng ngành, từng lĩnh vực thu, các cơ sở kinh tế hoạt động trên địa bàn và nguồn thu mới dự kiến phát sinh; chú ý các yếu tố thay đổi về chính sách thuế theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và Luật Thuế thu nhập cá nhân có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Đồng thời, tăng cường các biện pháp quản lý và nuôi dưỡng nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật, tập trung xử lý những khoản nợ đọng; phấn đấu thu đạt và vượt để đảm bảo cân đối chi theo kế hoạch.

2. Dự toán chi cân đối ngân sách được xây dựng trong phạm vi nguồn thu thành phố được hưởng trong thời kỳ ổn định theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; theo hướng tiếp tục quán triệt các giải pháp về tiết kiệm chi tiêu, nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách để góp phần kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Khi bố trí dự toán chi ngân sách cần chú ý:

a) Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển theo hướng tiếp tục quán triệt việc thực hiện các giải pháp về rà soát, sắp xếp, điều chỉnh lại vốn đầu tư theo Nghị quyết số 10/2008/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ về các biện pháp kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững; Quyết định số 390/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về điều hành kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và chi tiêu ngân sách năm 2008 phục vụ mục tiêu kiềm chế lạm phát.

b) Bố trí chi đầu tư phát triển phải đảm bảo nguồn để hoàn trả các khoản đã vay, huy động (cả gốc và lãi) đến hạn; đảm bảo đủ vốn đối ứng cho các dự án ODA và tập trung vốn cho các công trình, dự án có khả năng hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2009, các dự án, công trình trọng điểm, có hiệu quả và các công trình cấp bách khác; thanh toán khoản nợ khối lượng xây dựng cơ bản đã hoàn thành của các công trình thuộc nhiệm vụ của ngân sách Nhà nước. Kiên quyết đình hoãn các dự án không có trong quy hoạch được duyệt, chưa đủ thủ tục theo quy định, có nhiều vướng mắc về thủ tục đầu tư, chưa giải phóng mặt bằng, các dự án khác chưa thực sự cấp bách, không mang lại hiệu quả...

c) Đảm bảo kinh phí cho các lĩnh vực chi giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ, sự nghiệp môi trường, an sinh xã hội. Tiếp tục quán triệt chủ trương xã hội hóa,

đẩy mạnh việc thực hiện đấu thầu đối với công tác vệ sinh môi trường, duy tu giao thông, vận chuyển hành khách công cộng có trợ giá từ ngân sách để tiết kiệm chi ngân sách. Bố trí dự toán chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết để đầu tư các công trình phúc lợi xã hội trên địa bàn và thực hiện quản lý thu chi qua ngân sách nhà nước (không đưa vào cân đối ngân sách địa phương); trong đó, ưu tiên cho mục tiêu giáo dục và y tế.

d) Chủ động tính toán để bố trí đủ các nguồn đảm bảo thực hiện cải cách tiền lương trong năm 2009 theo các nguyên tắc do Chính phủ quy định và Bộ Tài chính hướng dẫn. Ưu tiên dành các khoản tăng thu ngân sách để bố trí cho các nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo, dạy nghề, dự phòng ngân sách và các nhiệm vụ chi cấp bách, các nhiệm vụ chi mới phát sinh.

đ) Tiếp tục thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính Nhà nước, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

e) Trong quá trình lập dự toán, các sở - ban - ngành, quận - huyện, các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách phải tổng hợp đầy đủ các nhu cầu chi theo các chính sách, chế độ hiện hành, hạn chế phát sinh việc bổ sung dự toán trong năm. Bố trí dự phòng ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước để chủ động đối phó thiên tai, dịch bệnh và thực hiện các nhiệm vụ cấp bách phát sinh trong năm 2009.

g) Xây dựng dự toán ngân sách thành phố năm 2009 phải quán triệt thực hiện các Chương trình hành động về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng, chống tham nhũng; đảm bảo dự toán ngân sách được xây dựng đúng quy định, tiết kiệm và có hiệu quả.

B. NỘI DUNG VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

I. Nội dung

Nội dung kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố năm 2009 cần được chuẩn bị khẩn trương, nghiêm túc.

1. Nội dung kế hoạch phải bao quát hoạt động của các ngành, các thành phần kinh tế trên địa bàn, kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế với kế hoạch

phát triển văn hóa - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Những giải pháp và biện pháp tổ chức thực hiện phải cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng cho từng cơ quan đơn vị; xác định rõ phương thức, điều kiện và thời gian tổ chức thực hiện.

2. Trên cơ sở tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội thành phố 6 tháng đầu năm, dự ước cả năm 2008 và các chỉ tiêu chủ yếu còn lại của kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, từng ngành, từng địa phương, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội 3 năm (2006 - 2008) của ngành, địa phương, đơn vị mình. Báo cáo đánh giá phải nêu rõ những mặt làm được, mặt chưa làm được, những khó khăn, tồn tại, phân tích đầy đủ những nguyên nhân, rút ra những bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành; đồng thời khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách 2009 của ngành, địa phương, đơn vị; đề xuất những biện pháp, giải pháp thực hiện và các kiến nghị (nếu có).

II. Tiến độ thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì tổ chức hướng dẫn khung Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2009 cho các sở - ban - ngành, quận - huyện, các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố trong đầu tháng 8 năm 2008.

2. Trên cơ sở khung hướng dẫn, các sở - ban - ngành, quận - huyện, các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2009, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 8 năm 2008.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế tổng hợp nội dung báo cáo của các sở - ban - ngành, quận - huyện, các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố để dự thảo sơ bộ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố năm 2009, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, thông qua và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước trước ngày 20 tháng 8 năm 2008.

4. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phương án phân bổ, giao kế hoạch nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2009 cho sở - ban - ngành, quận - huyện và các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố trước ngày 10 tháng 12 năm 2008.

5. Căn cứ quyết định giao chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ

tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố phân bổ, giao chỉ tiêu, nhiệm vụ và dự toán ngân sách cho từng đơn vị trực thuộc trước ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước thuộc thành phố tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này, nhằm đảm bảo công tác xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách thành phố năm 2009 đáp ứng các yêu cầu về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và tiến độ quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3291/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và
kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) quận 1**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân quận 1 tại Tờ trình số 1267/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2008 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5811/TTr-TNMT-KH ngày 23 tháng 7 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 của quận 1 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010

a) Diện tích, cơ cấu các loại đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Hiện trạng năm 2005		Quy hoạch đến năm 2010		Tăng (+), giảm (-) so với hiện trạng	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		772,61	100,00	772,61	100,00		

1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP							
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	772,61	100,00	772,61	100,00			
2.1	Đất ở	OTC	212,19	27,46	196,24	25,40	-15,95	-7,52	
2.1.1	Đất ở nông thôn	ONT							
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	212,19	100,00	196,24	100,00	-15,95	-7,52	
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	539,86	69,88	552,65	71,53	12,79	2,37	
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	45,59	8,44	41,88	7,58	-3,71	-8,14	
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	59,44	11,01	38,48	6,96	-20,96	-35,26	
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi NN	CSK	90,01	16,67	113,82	20,59	23,81	26,45	
2.2.3.1	<i>Đất khu công nghiệp</i>	<i>SKK</i>							
2.2.3.2	<i>Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh</i>	<i>SKC</i>	<i>90,01</i>	<i>100,00</i>	<i>113,82</i>	<i>100,00</i>	<i>23,81</i>	<i>26,45</i>	
2.2.3.3	<i>Đất cho hoạt động khoáng sản</i>	<i>SKS</i>							
2.2.3.4	<i>Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ</i>	<i>SKX</i>							
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	344,83	63,87	358,48	64,87	13,65	3,96	
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	245,87	71,30	241,22	67,29	-4,65	-1,89	
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL							
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, TT	DNT	1,92	0,56	1,92	0,54			
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	45,38	13,16	61,91	17,27	16,53	36,43	
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	13,89	4,03	14,59	4,07	0,70	5,02	
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	18,16	5,27	19,02	5,31	0,86	4,74	
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	4,05	1,17	5,27	1,47	1,22	30,12	
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	2,52	0,73	1,51	0,42	-1,01	-40,08	

2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	13,04	3,78	13,04	3,64		
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC						
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	7,50	0,97	7,50	0,97		
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD						
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	13,06	1,69	13,06	1,69		
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK			3,17	0,41	3,17	

b) Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
4	Đất phi nông nghiệp không phải đất ở chuyển sang đất ở	PKT ^(a) /OTC	13,04
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	13,04
4.1.1	<i>Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp</i>	<i>CTS/OTC</i>	<i>1,61</i>
4.1.2	<i>Đất quốc phòng, an ninh</i>	<i>CQA/OTC</i>	<i>5,41</i>
4.1.3	<i>Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp</i>	<i>CSK/OTC</i>	<i>4,75</i>
4.1.4	<i>Đất có mục đích công cộng</i>	<i>CCC/OTC</i>	<i>1,27</i>
4.2	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN/OTC	
4.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD/OTC	
4.4	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	SMN/OTC	
4.5	Đất phi nông nghiệp khác	PNK/OTC	

c) Diện tích đất phải thu hồi:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	92,10

2.1	Đất ở	OTC	45,46
2.1.1	Đất ở nông thôn	ONT	
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	45,46
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	46,64
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	3,80
2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	20,96
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	16,55
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	5,33

2. Vị trí, diện tích các khu vực đất phải chuyển mục đích sử dụng, các khu vực đất phải thu hồi được xác định theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 (tỷ lệ 1/10.000) và báo cáo thuyết minh tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) quận 1 thành phố Hồ Chí Minh do Ủy ban nhân dân quận 1 lập ngày 22 tháng 5 năm 2008.

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) quận 1 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong kỳ kế hoạch

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích (ha)				
			Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		772,61	772,61	772,61	772,61	772,61
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP					
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	772,61	772,61	772,61	772,61	772,61
2.1	Đất ở	OTC	213,39	211,27	205,46	200,37	196,24
2.1.1	Đất ở nông thôn	ONT					
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	213,39	211,27	205,46	200,37	196,24
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	538,08	539,53	544,48	548,78	552,65
2.2.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS	43,93	43,50	42,63	42,04	41,88

2.2.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	56,57	52,61	48,88	40,92	38,48
2.2.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi NN	CSK	91,99	97,13	105,06	112,51	113,82
2.2.3.1	Đất khu công nghiệp	SKK					
2.2.3.2	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	91,99	97,13	105,06	112,51	113,82
2.2.3.3	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS					
2.2.3.4	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX					
2.2.4	Đất có mục đích công cộng	CCC	345,59	346,30	347,91	353,32	358,48
2.2.4.1	Đất giao thông	DGT	243,96	242,29	242,80	241,37	241,22
2.2.4.2	Đất thủy lợi	DTL					
2.2.4.3	Đất để chuyển dẫn năng lượng, TT	DNT	1,92	1,92	1,92	1,92	1,92
2.2.4.4	Đất cơ sở văn hóa	DVH	46,89	49,76	52,23	58,14	61,91
2.2.4.5	Đất cơ sở y tế	DYT	14,01	14,00	13,16	13,39	14,59
2.2.4.6	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	18,28	18,51	17,98	18,68	19,02
2.2.4.7	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	4,97	5,27	5,27	5,27	5,27
2.2.4.8	Đất chợ	DCH	2,52	1,51	1,51	1,51	1,51
2.2.4.9	Đất có di tích, danh thắng	LDT	13,04	13,04	13,04	13,04	13,04
2.2.4.10	Đất bãi thải, xử lý chất thải	RAC					
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	7,50	7,50	7,50	7,50	7,50
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD					
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	SMN	13,06	13,06	13,06	13,06	13,06
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,59	1,25	2,12	2,90	3,17

2. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
4	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT Ở CHUYỂN SANG ĐẤT Ở	PKT ^(a) /OTC	13,04	4,09	3,05	2,75	2,13	1,02
4.1	Đất chuyên dùng	CDG/OTC	13,04	4,09	3,05	2,75	2,13	1,02
4.1.1	Đất trụ sở cơ quan, công trình SN	CTS/OTC	1,61	1,25		0,36		(0,0)
4.1.2	Đất quốc phòng, an ninh	CQA/OTC	5,41	1,51	1,62	0,60	1,13	0,54
4.1.3	Đất sản xuất, kinh doanh phi NN	CSK/OTC	4,75	1,33	1,43	0,52	1,00	0,48
4.1.4	Đất có mục đích công cộng	CCC/OTC	1,27			1,27		

3. Kế hoạch thu hồi đất:

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	LOẠI ĐẤT PHẢI THU HỒI	Mã	Diện tích cần thu hồi trong kỳ kế hoạch	Phân theo từng năm				
				Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	92,10	12,28	17,61	20,49	24,17	17,55
2.1	Đất ở	OTC	45,46	4,54	8,46	10,23	10,52	11,71
2.1.1	Đất ở nông thôn	ONT						
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	45,46	4,54	8,46	10,23	10,52	11,71

2.2	Đất chuyên dùng	CDG	46,64	7,74	9,15	10,26	13,65	5,84
2.2.1	<i>Đất trụ sở cơ quan, công trình SN</i>	CTS	3,80	1,65	0,44	0,94	0,59	0,18
2.2.2	<i>Đất quốc phòng, an ninh</i>	CQA	20,96	2,87	3,96	3,73	7,96	2,44
2.2.3	<i>Đất sản xuất, kinh doanh phi NN</i>	CSK	16,55	2,94	3,37	2,93	4,58	2,73
2.2.4	<i>Đất có mục đích công cộng</i>	CCC	5,33	0,28	1,38	2,66	0,52	0,49

Điều 3. Căn cứ các chỉ tiêu đã được duyệt tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận 1 có trách nhiệm:

1. Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3319/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết
xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Bắc Xa lộ Hà Nội,
quận 2, thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quy chuẩn, tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 6577/QĐ-UB-QLĐT ngày 07 tháng 02 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung quận 2, thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 2266/TTr-SQHKT ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Sở Quy hoạch - Kiến trúc về ý kiến thẩm định nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Bắc Xa lộ Hà Nội, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh (gửi đến ngày 18 tháng 7 năm 2008),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt nhiệm vụ đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Bắc Xa lộ Hà Nội, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Với các nội dung chính như sau:

1. Về vị trí, quy mô nghiên cứu và lý do điều chỉnh:

1.1. Vị trí: Phường Thảo Điền và phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đông giáp : Rạch Chiếc.

- Tây giáp : Sông Sài Gòn.
- Nam giáp : Xa lộ Hà Nội.
- Bắc giáp : Sông Sài Gòn.

1.2. Quy mô:

- Diện tích khu vực nghiên cứu: 454,38ha.
- Quy mô dân số của khu điều chỉnh quy hoạch chi tiết dự kiến 65.000 người.

1.3. Lý do điều chỉnh quy hoạch:

Quận 2 là quận trung tâm, không gian đô thị của quận trong đó có khu vực Bắc Xa lộ Hà Nội (thuộc phường Thảo Điền và một phần phường An Phú) là nơi tập trung xây dựng các công trình nhà ở dịch vụ công cộng cao cấp trong quá trình đô thị hóa của thành phố Hồ Chí Minh.

Trước tình hình phát triển theo hướng gia tăng chất lượng đô thị, khu vực Bắc Xa lộ Hà Nội cần thiết phải điều chỉnh tổng thể các quy hoạch chi tiết xây dựng. Nội dung điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng bao gồm các giải pháp có liên quan đến các nội dung sau đây:

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất (FAR) thông qua việc tăng tầng cao và mật độ cư trú hợp lý trong phạm vi khu vực gần các tuyến trục giao thông chính (tuyến Metro, tuyến xe bus...), giảm mật độ xây dựng để mở rộng không gian trồng cây xanh và công trình hạ tầng xã hội. Thiết kế đô thị trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa không gian biệt thự, không gian cao tầng và không gian mở, cảnh quan sông nước để hình thành một đô thị mang tính đặc trưng cửa ngõ phía Đông trung tâm thành phố;

- Tăng thêm hệ thống hạ tầng xã hội (nhà trẻ, trường học, y tế...) và công trình công cộng (thương mại, dịch vụ...) dựa trên mở rộng cơ sở vật chất hiện tại kết hợp các dự án đầu tư mới, đáp ứng tốt nhất nhu cầu cơ bản của người dân sinh sống trong khu vực;

- Trên cơ sở định hướng các tuyến hạ tầng kỹ thuật chính, cần thiết tiến hành việc điều chỉnh quy hoạch nội hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị về san nền, giao thông nội khu, cấp thoát nước, cấp điện, vệ sinh môi trường và các chuyên ngành khác, đáp ứng tốt nhất việc phát triển gia tăng quy mô đô thị (dân số và xây dựng). Trong giai đoạn đầu cần nhanh chóng khắc phục tình trạng ngập úng và ùn tắc giao thông trong khu vực quy hoạch.

2. Tính chất - chức năng quy hoạch:

- Về cơ bản, tính chất của khu vực quy hoạch là khu ở mới hiện đại kết hợp có chỉnh trang khu dân cư hiện hữu. Hình thức loại nhà ở bao gồm nhà ở cao tầng kết hợp với nhà ở thấp tầng.

- Công trình hạ tầng xã hội như thương mại, dịch vụ, văn hóa, giáo dục, quản lý hành chính và công viên nghỉ ngơi giải trí.

3. Cơ cấu sử dụng đất và các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

3.1. Cơ cấu sử dụng đất:

Diện tích đất tự nhiên của Khu dân cư Bắc Xa lộ Hà Nội, quận 2 là 454,38ha, trong đó:

* Đất khu ở: 357,58ha chiếm 78,7%, trong đó:

+ Đất đơn vị ở : 212,4ha chiếm 46,75%.

+ Đất công trình công cộng : 30,5ha chiếm 6,7%.

- Đất giáo dục : 11,0ha.

• Đất cho tiểu học và trung học cơ sở : 9ha.

• Đất cho trung học phổ thông : 2ha

- Đất bệnh viện, y tế, hành chính : 19,5ha.

+ Đất giao thông : 71,5ha chiếm 15,7%.

+ Đất cây xanh công viên : 43,18ha chiếm 9,55%

* Đất khác: 96,80ha chiếm 21,3%, trong đó:

+ Đất tôn giáo : 0,41ha.

+ Đất công nghiệp : 4,88ha.

+ Đất kho xưởng : 4,46ha.

+ Đất quân sự : 3,32ha.

+ Đất sông rạch : 83,8ha.

3.2. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc chủ yếu:

+ Đất đơn vị ở : 20 - 30 m²/người

+ Đất công trình công cộng : 2 ÷ 3 m²/người.

+ Đất giáo dục : 8 ÷ 10 m²/chỗ.

+ Đất giao thông	: 10 ÷ 11 m ² /người.
+ Đất cây xanh công viên	: 4 - 6 m ² /người.
+ Mật độ xây dựng	: ≤ 40%
+ Tầng cao xây dựng tối thiểu - tối đa:	
• Tầng cao tối thiểu	: 2 tầng
• Tầng cao tối đa	: 45 tầng
• Công trình công cộng	: 2 - 5 tầng
+ Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	: 1.800 kWh/người.năm
+ Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt	: 250 lít/người/ngày đêm
+ Chỉ tiêu thoát nước bản	: 250 lít/người/ngày đêm
+ Cao trình san lấp	: H min > 2,2m.
+ Chỉ tiêu điện thoại	: 10 máy/100 người
+ Chỉ tiêu rác thải	: 1 - 1,5 kg/người/ngày.

4. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

4.1. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan:

Xác định chức năng sử dụng đất theo hướng như sau:

+ Khu vực dọc đường Hà Nội: được xác định là trục phức hợp đa năng gồm thương mại, dịch vụ, văn phòng cho thuê kết hợp với nhà ở cao tầng.

+ Khu vực dọc sông Sài Gòn: là khu vực cảnh quan. Các kênh, rạch hiện hữu một phần giữ lại kết hợp mảng xanh và một phần được thay bằng công hệ thoát nước, trên mặt trồng cây xanh công viên.

+ Khu vực giữa khu cao tầng và khu cảnh quan: Bố trí các loại nhà ở thấp tầng.

+ Khu vực các công trình công cộng:

- Các công trình giáo dục được bố trí theo từng trường có khuôn viên độc lập.

- Các công trình dịch vụ, thương mại, hành chính, trung tâm văn hóa đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu cho đời sống của người dân, được bố trí hợp khối đa năng dọc Xa lộ Hà Nội, phía Tây đường Thảo Điền và dọc theo các tuyến đường nhánh (lộ giới 16m - 20m) nối từ đường Thảo Điền ra bờ sông Sài Gòn.

+ Khu công viên cây xanh:

- Khai thác cảnh quan dọc sông rạch; tổ chức mảng xanh kết hợp mặt nước dọc sông Sài Gòn và các rạch hiện có trong khu vực, nhằm tạo mảng xanh liên hoàn phục vụ cho nghỉ ngơi giải trí và tạo cảnh quan đô thị.

- Quy hoạch công viên cây xanh kết hợp với hoạt động thể dục thể thao, vui chơi giải trí trong các nhóm ở, tại các khu vực công trình công cộng.

+ Công trình tôn giáo: giữ nguyên hiện trạng.

4.2. Thiết kế đô thị:

+ Việc xác định cụ thể chức năng các khu đất là cơ sở để xác định cách thức bố cục không gian đô thị và khả năng xây dựng công trình và cụm công trình trong khu điều chỉnh quy hoạch xây dựng.

+ Khu vực điều chỉnh quy hoạch bố trí xây dựng các công trình cao tầng, khu phức hợp cao tầng (gồm ở kết hợp thương mại, dịch vụ và văn phòng hoặc chỉ một chức năng) sẽ được phân thành các khu vực ưu tiên trên cơ sở hội đủ các yếu tố điều kiện đô thị như: diện tích khu đất, khoảng cách đến các nhà ga - trạm - bến vận chuyển hành khách công cộng, chiều rộng lộ giới đường giao thông tiếp cận với khu đất và khả năng cung ứng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, khả năng đóng góp cho hệ thống các cơ sở hạ tầng xã hội - dịch vụ thương mại, kế cận các không gian mở..., các điều kiện này sẽ được cơ quan chức năng quản lý thông qua tập Quy chế quản lý kiến trúc xây dựng.

+ Về đất xây dựng đô thị dự kiến chia thành các khu vực không gian đô thị ưu tiên phát triển như sau:

- Khu vực Ia: gồm 3 khu, có vị trí nằm dọc theo tuyến Xa lộ Hà Nội đồng thời nằm trong bán kính phục vụ của 3 trạm Metro (tuyến đường xe điện trên cao và tuyến đường xe bus) là khu vực có mật độ nén cư trú cao nhất của khu đô thị. Tại đây sẽ tập trung ưu tiên điều chỉnh các dự án đầu tư lên cao tầng, kết hợp giữa chức năng ở căn hộ với các chức năng thương mại, dịch vụ và văn phòng với chỉ số cao phù hợp trong không gian thiết kế đô thị theo tuyến Xa lộ Hà Nội. Khu vực này có bán kính cho từng khu vực là 300m tính từ tâm các nhà ga Metro và đồng thời nằm trong khu vực có chiều rộng 150m dọc theo trục Xa lộ Hà Nội, diện tích khoảng 19,4ha, mật độ xây dựng khoảng 30% - 40%, tầng cao tối đa 45 tầng, hệ số sử dụng đất chung tối đa khoảng 7.5. Chỉ tiêu đất nhóm ở khu vực Ia tối thiểu 8,4 m²/người. Dân số dự kiến khoảng 13.800 người.

- Khu vực Ib: Vị trí nằm dọc theo tuyến Xa lộ Hà Nội như khu vực Ia, bao gồm tuyến đường xe bus và tuyến đường xe điện trên cao (tập trung tại các nhà ga, trạm xe

bus theo bán kính đi bộ) là khu vực có mật độ nén cư trú cao nhất của khu đô thị. Tại đây sẽ tập trung ưu tiên điều chỉnh các dự án đầu tư lên cao tầng, kết hợp giữa chức năng ở căn hộ với các chức năng thương mại, dịch vụ và văn phòng với chỉ số cao phù hợp trong không gian thiết kế đô thị theo tuyến Xa lộ Hà Nội. Khu vực này có chiều rộng 150m so với lộ giới Xa lộ Hà Nội và nằm dọc theo trục Xa lộ Hà Nội, diện tích khoảng 25ha, mật độ xây dựng khoảng 30% - 40%, tầng cao tối đa 40 tầng, hệ số sử dụng đất chung tối đa khoảng 7. Chỉ tiêu đất nhóm ở khu vực Ib tối thiểu 10,8 m²/người. Dân số dự kiến khoảng 11.000 người.

- Khu vực II: Vị trí nằm dọc các tuyến đường có lộ giới 30m (đường Thảo Điền, đường Xuân Thủy), là tuyến đường giao thông trục chính vào khu đô thị và nối kết với Khu đô thị sinh thái Bình Quới - Thanh Đa trong tương lai. Đây là khu vực có mật độ nén cư trú thấp hơn khu vực I, tại đây cũng sẽ điều chỉnh các dự án đầu tư lên cao tầng nhưng phải đáp ứng được các điều kiện đô thị đặt ra đối với khu vực này. Khu vực II có chiều rộng khoảng 50m, nằm dọc theo các tuyến đường có lộ giới tối thiểu 30m, diện tích khoảng 23,5ha, mật độ xây dựng 30% - 40%, tầng cao tối đa 35 tầng, hệ số sử dụng đất chung tối đa khoảng 5.5. Chỉ tiêu đất nhóm ở khu vực II tối thiểu 13,2 m²/người. Dân số dự kiến khoảng 8.550 người.

- Khu vực III: Vị trí nằm dọc theo các tuyến đường nhánh lộ giới tối thiểu 20m (ngoại trừ khu vực thuộc hành lang bảo vệ sông rạch, khu vực có khoảng cách 50m từ bờ sông Sài Gòn) nối từ đường Thảo Điền ra bờ sông Sài Gòn, các tuyến đường có lộ giới 20m (*tham khảo bản đồ đính kèm*), khu vực này có mật độ nén cư trú thấp hơn khu vực II. Việc điều chỉnh các dự án đầu tư lên cao tầng cần được xem xét đến các yếu tố cảnh quan bờ sông và phải đáp ứng được các điều kiện về diện tích khu đất, giao thông tiếp cận và các điều kiện đô thị đặt ra đối với khu vực này. Khu vực III có chiều rộng khoảng 50m, nằm dọc theo các tuyến đường có lộ giới tối thiểu 20m nêu trên, diện tích khoảng 42,5ha, mật độ xây dựng khoảng 30% - 40%, tầng cao tối đa 27 tầng, hệ số sử dụng đất chung tối đa khoảng 5. Chỉ tiêu đất nhóm ở khu vực III tối thiểu 14 m²/người. Dân số dự kiến khoảng 13.600 người.

- Khu vực IV: Vị trí nằm xen giữa các khu vực nêu trên hiện đã xây dựng ổn định hoặc đang hoàn thiện chủ yếu là các dự án nhà ở thấp tầng dạng biệt thự hay liên kế sân vườn đã được Kiến trúc sư Trưởng thành phố (nay là Sở Quy hoạch - Kiến trúc) phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, giao thông tại đây phần lớn là các trục đường nội bộ có lộ giới nhỏ, ít hội đủ điều kiện phát triển cao tầng. Dự kiến vẫn phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt trước đây là khu nhà ở thấp tầng, nhằm bảo đảm sự hài hòa về bố cục không gian đô thị hiện có. Diện tích khu vực IV

khoảng 102ha, mật độ xây dựng khoảng 40% - 50%, tầng cao khoảng 2 - 5 tầng, hệ số sử dụng đất chung tối đa khoảng 3. Chỉ tiêu đơn vị đất ở khu vực IV tối thiểu 25 m²/người. Dân số dự kiến khoảng 18.050 người.

- Khu vực từ đường Nguyễn Văn Hưởng ra phía bờ sông Sài Gòn (đoạn từ cầu Sài Gòn đến rạch Dừa): là khu vực cảnh quan bờ sông. Kiến nghị không bố trí xây dựng nhà cao tầng (hành lang không chế xây dựng cao tầng 50m so với đường ven sông Sài Gòn), chỉ có một ít nhà thấp tầng được phép xây dựng theo các quyết định phê duyệt cũ trước đây.

- Khu vực dọc bờ sông Sài Gòn từ rạch Dừa đến cầu Rạch Chiếc: trong khoảng 50m hành lang kỹ thuật bờ sông hoặc từ đường bao ra phía bờ sông là khu vực cảnh quan bờ sông. Trong khu vực này kiến nghị không xây dựng thêm các công trình kiến trúc.

- Các khu vực còn lại là khu vực chỉnh trang xây chen các công trình thấp tầng.

- Dọc tuyến Xa lộ Hà Nội là một trục đi bộ có cây xanh che bóng mát. Các trục có hướng tuyến vuông góc với trục Xa lộ Hà Nội và có lộ giới từ 16m trở lên sẽ bố trí vỉa hè (hành lang đi bộ hai bên đường) nối với hành lang đi bộ dọc Xa lộ Hà Nội, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong khu vực tiếp cận nhanh chóng với 3 ga Metro của trục Xa lộ Hà Nội.

Các quy định cho phép dự án được phép xây dựng cao tầng:

- Diện tích khu đất tối thiểu được phép xây dựng công trình cao tầng:

+ Khu vực Ia : 1.500m².

+ Khu vực Ib : 2.000m².

+ Khu vực II - III : 3.000m².

- Các dự án phải tiếp giáp với ít nhất một tuyến đường có lộ giới tối thiểu là 20m kết nối với đường liên khu vực.

- Trong trường hợp các dự án gom đất biệt thự, cần có sự đồng thuận của các chủ sở hữu các biệt thự trong cùng dự án.

- Cần xác định được cơ chế về tài chính nhằm đảm bảo diện tích đất công cộng cần thiết cho phân dân số hoặc chức năng tăng thêm của dự án

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Giao thông:

+ Tuyến đường sắt nội đô Bến Thành - Chợ Nhỏ - Suối Tiên dự kiến đi qua và hình thành 3 nhà ga nằm trong khu đất điều chỉnh quy hoạch xây dựng.

+ Xây dựng hệ thống giao thông đảm bảo tiêu chuẩn thiết kế và phù hợp với quy hoạch chung của quận 2. Tuyến đường Bắc Xa lộ Hà Nội có lộ giới 152,5m. Các đường dự kiến kiến nghị có khoảng lùi để tạo hành lang đi bộ ra nhà ga Metro gồm:

- Đường Thảo Điền lộ giới cũ 30m, phần khoảng lùi trong chỉ giới xây dựng.
- Đường Nguyễn Văn Hưởng lộ giới cũ 20m, phần khoảng lùi trong chỉ giới xây dựng.
- Đường Quốc Hương lộ giới cũ 20m, phần khoảng lùi trong chỉ giới xây dựng.
- Đường An Phú lộ giới 20m, phần khoảng lùi trong chỉ giới xây dựng.
- Đường dọc sông lộ giới 20m, phần khoảng lùi trong chỉ giới xây dựng.
- Đường giao thông nội bộ sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với việc bố trí các khu chức năng đô thị.

+ Mở rộng thêm một số hẻm hiện hữu nhằm nâng cao khả năng lưu thông trong khu dân cư.

+ Giao lộ giao thông: vạt góc theo quy định.

+ Khoảng cách ly so với bờ sông Sài Gòn là 50m được tính từ mép bờ cao của sông Sài Gòn vào phía trong khu đất. Việc quản lý quy hoạch xây dựng trong khu vực này thực hiện theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

5.2. Cấp nước:

Nguồn nước: Khu vực nghiên cứu được cấp nước từ nguồn nước máy thành phố. Trên trục Xa lộ Hà Nội đã có tuyến ống cấp nước Ø2.000 (đặt ống từ năm 1965), trên đường Thảo Điền có tuyến ống cấp nước Ø300 (đặt ống từ năm 1995).

5.3. Chuẩn bị kỹ thuật - thoát nước mặt:

- + Cốt san nền theo đúng cao độ chuẩn: trên 2,0m (cao độ quốc gia).
- + Hướng thoát nước chủ yếu ra sông Sài Gòn.
- + Xây dựng bờ kè dọc sông. Nạo vét và mở rộng các kênh rạch đã bị lấp để khơi thông khả năng thoát nước của khu vực.

5.4. Cấp điện:

Nguồn điện: Khu vực này hiện được cấp điện từ nguồn điện chung của thành phố Hồ Chí Minh và nhận điện trực tiếp từ trạm biến áp 110/15kV Sài Gòn.

5.5. Thoát nước bản và vệ sinh đô thị:

- Thoát nước bản: Khu vực hiện nay đã hình thành hệ thống thoát nước chung (thoát nước mưa và nước thải) có kích thước Ø400 đến Ø1000 mật độ xây dựng 56m/ha.

- Vệ sinh đô thị:

Rác thải: Khu vực dự kiến quy hoạch đã hình thành hệ thống thu gom rác, rác được thu gom trong ngày và được xe chuyên dùng đưa về xử lý tại các khu xử lý rác tập trung của thành phố.

6. Các điểm lưu ý triển khai đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/2000:

* Các khu vực và trục thể hiện và cảm thụ cảnh quan:

- Khi có hệ thống vận tải hành khách có công suất lớn tiếp cận khu vực Bắc Xa lộ Hà Nội cần định hướng tổ chức hành lang đi bộ nối từ khu vực nhà ở tiếp cận các ga đón đưa hành khách. Các trục chính giao thông và hành lang đi bộ sẽ là khu vực trọng yếu tập trung các giải pháp tạo hình trang trí không gian đô thị.

- Trong khu điều chỉnh cần nghiên cứu các giải pháp bố cục không gian đô thị cho các trục và khu vực sau đây:

+ Khu vực dọc trục Xa lộ Hà Nội.

+ Khu vực gần 3 trạm Metro dọc trục Xa lộ Hà Nội.

+ Khu vực dọc các trục giao thông chính của khu vực II - III.

+ Khu vực dọc bờ sông Sài Gòn.

+ Các khu công trình công cộng chính của khu vực.

* Đánh giá tác động môi trường:

- Việc phát triển khu dân cư, xây dựng đường giao thông tại khu vực Bắc Xa lộ Hà Nội làm ảnh hưởng đến môi trường không khí, nước, kinh tế - xã hội, cảnh quan đô thị...

- Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm và bảo vệ môi trường:

+ Quy hoạch sử dụng đất và tổ chức không gian cảnh quan hợp lý.

- + Xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.
- + Ban hành quy chế quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

Điều 2.

- Trên cơ sở nội dung nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 2 và Viện Quy hoạch Xây dựng thành phố triển khai thực hiện nghiên cứu đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu dân cư Bắc Xa lộ Hà Nội - quận 2 và trình duyệt theo quy định.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận 2 xác lập ranh đất quy hoạch, thực hiện tốt việc quản lý đất trong phạm vi quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Thành Tài

QUẬN 4

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44/2008/NQ-HĐND

Quận 4, ngày 28 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 4
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét các báo cáo của Thường trực và báo cáo thẩm tra của 2 Ban Hội đồng nhân dân quận, báo cáo của Ủy ban nhân dân và của các ngành chuyên môn thuộc quận, báo cáo của Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân quận 4, ý kiến phát biểu của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận 4 và của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Nhất trí với các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân và các báo cáo thẩm tra của 2 Ban Hội đồng nhân dân quận.

Tán thành thông qua báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận, các báo cáo của ngành Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân quận 4 và các giải pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008.

Hội đồng nhân dân quận nhấn mạnh một số nhiệm vụ sau:

Điều 1. Đánh giá về thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong 6 tháng đầu năm 2008

Trong 6 tháng đầu năm, tình hình kinh tế xã hội của thành phố cũng như của quận chịu sự tác động chung của tình hình kinh tế thế giới nên gặp nhiều khó khăn do giá xăng dầu, lương thực và nhiều loại nguyên vật liệu thiết yếu trên thị trường thế giới liên tục tăng và có khi đột biến như giá gạo cùng với những diễn biến bất thường bên trong của thị trường tài chính ngân hàng, bất động sản... gây nhiều khó khăn, vướng mắc cho các thành phần kinh tế trên địa bàn quận trong quá trình đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh. Đồng thời, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân nhất là với người nghèo, người lao động có thu nhập thấp. Nhưng với sự chỉ đạo tập trung của thành phố và sự chủ động, tích cực của quận cùng với sự đoàn kết, nỗ lực phấn đấu của hệ thống chính trị quận và phường, của các ngành, các cấp và các tầng lớp nhân dân trong quận nên tốc độ tăng trưởng và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận đã đề ra đạt khá. Cụ thể như sau:

- Giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ước thực hiện: 366 tỷ đồng - đạt 48,53% kế hoạch năm tăng 22,94% so cùng kỳ năm 2007 (*chỉ tiêu năm 2008 tăng 13% trở lên*).

- Doanh thu thương mại dịch vụ dân doanh (bao gồm dịch vụ cảng) tăng 16,92% so cùng kỳ (*chỉ tiêu 15 - 17%*).

- Thu thuế 6 tháng ước thực hiện: 130,66 tỷ đồng/178,42 tỷ đồng - đạt 73,23% tăng 84,63% so cùng kỳ. Trong đó, thuế công thương nghiệp đạt 68,91% kế hoạch, tăng 84,63% so cùng kỳ.

- Ước thu ngân sách nhà nước thực hiện: 80,52 tỷ - đạt 67,72% dự toán kế hoạch năm, tăng 6% so cùng kỳ.

- Ước chi ngân sách: 72,67 tỷ đồng - đạt 61,1% kế hoạch năm, tăng 7,4% so cùng kỳ.

- Tổng vốn đầu tư xây dựng trên địa bàn ước thực hiện: 321,594 tỷ đồng, giá trị giải ngân 254,214 tỷ đồng, bao gồm:

+ Ngân sách tập trung của thành phố thực hiện: 306,982 tỷ đồng/137,435 tỷ đồng đạt 223,4% kế hoạch, giải ngân 248,794 tỷ đồng - đạt 176,6%.

+ Vốn phân cấp: 14,612 tỷ đồng/23 tỷ đồng đạt 63,5% kế hoạch, giải ngân 5,42 tỷ đồng - đạt 23,6%.

- Dạy nghề cho 2.020/5000 lượt người - đạt 44,4% kế hoạch và giới thiệu việc làm 2069/4500 lượt người - đạt 46%.

- Giảm hộ nghèo theo tiêu chí 6 triệu đồng/người/năm đã có 284/762 hộ tăng thu nhập vượt chuẩn nghèo, hiện nay toàn quận còn 478 hộ chiếm tỷ lệ 1,39% (*chỉ tiêu giảm dưới 1%*).

- Phạm pháp hình sự xảy ra 74 vụ, giảm 39 vụ so cùng kỳ năm 2006, tỷ lệ giảm 34,51% so cùng kỳ 2007 (*chỉ tiêu nghị quyết đề ra giảm 7 - 10%, phá án đạt 65 - 70%*).

- Tai nạn giao thông xảy ra 04 vụ làm chết 04 người, giảm 13 vụ và 09 người chết (*chỉ tiêu nghị quyết đề ra giảm 10%*).

Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân quận cần tập trung chỉ đạo một số lĩnh vực đạt hiệu quả chưa cao như hoạt động dịch vụ tăng không đáng kể so với chỉ số tăng giá và tốc độ tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu chậm lại; chỉ số giá tiêu dùng tăng cao làm đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn nhất là số hộ nghèo và làm công ăn lương; việc lập thủ tục thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình và giải ngân còn chậm; tình hình trật tự xã hội chưa ổn định thực sự nhất là tệ nạn xã hội về ma túy còn diễn biến phức tạp và vi phạm pháp luật trong thanh thiếu niên có chiều hướng gia tăng; công tác quản lý đô thị, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường... còn nhiều vấn đề bất cập. Cuộc vận động thực hiện Kế hoạch “*Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị*” tuy có nhiều nỗ lực nhưng chưa đồng bộ, công tác tuyên truyền chưa đi vào chiều sâu, còn lúng túng trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm và việc quản lý người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng đang là vấn đề bức xúc của nhân dân.

Điều 2. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2008

Hội đồng nhân dân quận đồng ý các nội dung và giải pháp chủ yếu đã được nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân quận. Trong quá trình điều hành thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, thu - chi ngân sách, an ninh quốc phòng 6 tháng cuối năm 2008, Ủy ban nhân dân quận cần lưu ý:

1. Về nhiệm vụ kinh tế:

1.1. Chỉ đạo tiếp tục duy trì sản xuất ổn định và tốc độ tăng trưởng doanh thu thương mại - dịch vụ, tăng tốc thu thuế công thương nghiệp phấn đấu hoàn thành kế hoạch thu thuế và đảm bảo cân đối thu chi ngân sách năm 2008.

1.2. Tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp ổn định và ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ phục vụ cảng, hàng hải, vận chuyển và giao nhận ngoại thương, dịch vụ - thương mại, kinh doanh bất động sản như nhà ở, văn phòng cho

thuê, dịch vụ đô thị. Tiếp tục thu hút các nguồn lực từng bước hình thành và phát triển dịch vụ ngân hàng, tài chính, du lịch, công nghệ điện tử, vui chơi giải trí để xây dựng và phát triển Quận dịch vụ.

2. Về cải cách hành chính:

2.1. Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính của tổ chức, công dân và doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kiểm soát nội bộ để kịp thời thực hiện chức năng, nhiệm vụ đã được phân công.

2.2. Khẩn trương sắp xếp các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân quận gắn với thực hiện cải cách hành chính tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, đầu tư, cấp phép. Chỉ đạo thực hiện mở rộng các sản phẩm ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 tại Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân các phường.

2.3. Tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch “Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo cho cán bộ và nhân dân trên địa bàn quận, giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2010”. Thực hiện giảm hội họp, đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Về lĩnh vực quản lý đô thị và đầu tư cơ sở hạ tầng:

3.1. Tổ chức các hoạt động “Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”, “Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường”; “Vì đường phố không rác” tạo sự chuyển biến nhận thức và hành vi trong thực hiện nếp sống văn minh đô thị. Đồng thời, tăng cường xử phạt, xử lý nghiêm các vi phạm.

3.2. Chỉ đạo tập trung thực hiện nhanh các thủ tục đầu tư các công trình thuộc kế hoạch năm 2008, hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản có vốn ngân sách và hoàn tất đưa vào sử dụng các công trình xây dựng mới trụ sở, trong đó tập trung cho các công trình lớn và khẩn trương sửa chữa trường lớp trong dịp hè.

3.3. Chỉ đạo hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn quận phục vụ các dự án xây dựng công viên Hồ Khánh Hội (*giai đoạn 1*), công viên Cù lao Nguyễn Kiệu, dự án Trường Tiểu học Đặng Trần Côn, đường Lê Văn Linh nối dài.

3.4. Tăng cường kiểm tra bảo đảm tiến độ, an toàn và vệ sinh môi trường trong thi công và xử lý nghiêm các vi phạm trong xây dựng trên địa bàn quận.

3.5. Thực hiện công tác quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) trên địa bàn quận 4 và 15 phường thuộc quận, tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 186/QĐ-UBND-TH ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 4 về công bố quy hoạch lộ giới đường hẻm $R \leq 12m$ trên địa bàn quận 4 (tỷ lệ 1/500).

4. Về lĩnh vực văn hóa - xã hội:

4.1. Tăng cường quản lý công tác xóa đói giảm nghèo, không để tái nghèo để đến cuối năm 2008 chỉ còn khoảng 0,48% số hộ dân nghèo. Kiểm tra, rà soát và khảo sát các hộ có thu nhập dưới 12 triệu đồng/người/năm chuẩn bị cho kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2009 - 2010.

4.2. Tổ chức tổng kết năm học 2007 - 2008 và khai giảng năm học mới 2008 - 2009. Triển khai thực hiện các chỉ tiêu trong năm học mới: huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, duy trì hiệu suất đào tạo ở bậc tiểu học đạt 99% và trung học cơ sở đạt trên 85%, vận động kéo giảm tỷ lệ học sinh bỏ học. Tổ chức sinh hoạt hè lành mạnh, vui tươi, bổ ích cho học sinh. Tăng cường kỷ cương, nề nếp; ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội, tệ nạn ma túy xâm nhập nhà trường. Nâng cao chất lượng nuôi dạy trẻ, giám sát về dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm ở bậc học mầm non và các nhóm trẻ gia đình.

4.3. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”. Chỉ đạo đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền và các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao chào mừng các ngày lễ. Tăng cường quản lý các loại hình kinh doanh trên lĩnh vực văn hóa, thường xuyên kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm.

4.4. Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa trong hoạt động y tế và công tác giám sát các cơ sở hành nghề y dược tư nhân, phát huy vai trò mạng lưới cơ sở của các trạm y tế phường trong việc chăm lo sức khỏe ban đầu. Tiếp tục tăng cường biện pháp phòng, chống dịch bệnh sốt xuất huyết trong mùa mưa, duy trì các biện pháp phòng, chống dịch cúm gia cầm và thủy cầm. Thường xuyên kiểm tra và xử lý các vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh việc xét chọn thí điểm điều trị thay thế các chất thuốc phiện bằng Methadone.

5. Về lĩnh vực quốc phòng, an ninh:

5.1. Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn quận. Tăng cường công tác kiểm tra phòng cháy, chữa

cháy, phối hợp các lực lượng tập trung kéo giảm tai nạn giao thông và xử lý kịp thời ùn tắc giao thông trên các tuyến đường trọng điểm.

5.2. Tiếp tục đẩy mạnh truy quét, tấn công các loại tội phạm và tiếp tục kéo giảm các vụ án phạm pháp hình sự, tăng cường triệt phá các tụ điểm mua bán trái phép chất ma túy, thực hiện các biện pháp chủ động ngăn ngừa các băng nhóm thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, thực hiện tốt kế hoạch liên tịch giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên tuyến giáp ranh giữa các phường quận 4 với quận 1 và quận 4 với quận 7.

5.3. Tập trung chỉ đạo tổ chức tốt kế hoạch diễn tập phòng thủ năm 2008, công tác tuyển gọi công dân nhập ngũ năm 2008 đạt chỉ tiêu pháp lệnh được giao.

5.4. Tiếp tục tăng cường công tác tiếp dân, giải quyết các kiến nghị của cử tri và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, hạn chế không để kẻ xấu lợi dụng khiếu nại đông người gây rối trật tự trị an.

6. Về các tờ trình và văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân quận:

Hội đồng nhân dân quận đã xem xét và thông qua Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 4 về phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách quận 4 năm 2007.

Hội đồng nhân dân quận đã xem xét và thông qua Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2008.

Hội đồng nhân dân quận đã xem xét và thông qua Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 4 về đề nghị duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngân sách tập trung do Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận 4 quản lý trong năm 2008.

Hội đồng nhân dân quận ghi nhận Tờ trình của Ủy ban nhân dân quận 4 về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) trên địa bàn quận 4 và 15 phường thuộc quận 4 - thành phố Hồ Chí Minh; giao cho Thường trực và 2 Ban của Hội đồng nhân dân quận tiếp tục xem xét, thẩm tra để Hội đồng nhân dân quận thông qua.

Điều 3. Tổ chức và thực hiện

Hội đồng nhân dân quận 4 giao cho Ủy ban nhân dân quận tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết này.

Hội đồng nhân dân quận 4 giao cho Thường trực và 2 Ban của Hội đồng nhân

dân quận, các Tổ và các đại biểu Hội đồng nhân dân quận phối hợp hoạt động, tăng cường giám sát, kịp thời đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

Hội đồng nhân dân quận đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 4 và các đoàn thể quận hợp tác chặt chẽ với các lực lượng, các cơ quan nhà nước để tuyên truyền phổ biến, động viên cán bộ công chức và các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận. Kịp thời phát hiện, phản ánh những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 4 khóa IX kỳ họp thứ 10 thông qua và có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 4****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2008/NQ-HĐND

Quận 4, ngày 28 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT**Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngân sách
tập trung do Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho
Ủy ban nhân dân quận 4 quản lý trong năm 2008****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 4
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Mục 2 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân số 43/2007/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2007 về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 122/QĐ-UBND-TH ngày 04 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 4 về việc duyệt kế hoạch đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngân sách tập trung do Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận 4 quản lý trong năm 2008;

Sau khi xem xét báo cáo và tờ trình của Ủy ban nhân dân quận, của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí nội dung Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 4 về đề nghị duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngân sách tập trung do Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận 4 quản lý trong năm 2008 (*đính kèm: danh mục kế hoạch vốn các dự án đầu tư*) cho phù hợp, cụ thể như sau:

1. Tăng giảm vốn một số công trình cho phù hợp với tiến độ thi công.

2. Đối với công trình chuyển tiếp: chuyển công trình “Quy hoạch chi tiết sử dụng đất trên địa bàn quận 4” sang công trình chuẩn bị đầu tư.

3. Đối với công trình khởi công mới:

- Chuyển sang chuẩn bị đầu tư 05 công trình “Mua sắm trang thiết bị Ban Chỉ huy Quân sự quận 4; phủ cỏ nhân tạo sân bóng đá Khánh Hội; sửa chữa trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận 4; sửa chữa trụ sở Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 4; sửa chữa trụ sở Ủy ban nhân dân quận 4”;

- Chuyển sang sử dụng nguồn vốn khác 02 công trình “San lấp công viên Hồ Khánh hội (giai đoạn 1); quy hoạch lộ giới hẻm $R \leq 12m$ trên địa bàn quận 4”;

- Bổ sung từ chuẩn bị đầu tư lên 07 công trình “xây dựng trụ sở Đội dân phòng phường 9; sửa chữa trụ sở Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường 14; sửa chữa trụ sở Đảng ủy phường 14; sửa chữa trụ sở Phường đội phường 14; xây dựng trụ sở Đội dân phòng khu phố 2 phường 14; sửa chữa trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự phường 15; sửa chữa Trung tâm Y tế Dự phòng quận 4”;

- Bổ sung theo yêu cầu thực tế 01 công trình “sửa chữa vỉa hè tiểu đảo, công viên cây xanh dọc 2 bên đường Vĩnh Khánh”;

- Bổ sung theo yêu cầu thực tế các công trình “mua sắm thiết bị cho Bệnh viện quận 4; mua sắm thiết bị cho Trung tâm Y tế Dự phòng quận 4”;

- Cụ thể danh mục sửa chữa trường học 06 công trình.

4. Đối với công trình chuẩn bị đầu tư:

- Cụ thể danh mục sửa chữa trường học 18 công trình;

- Bổ sung theo yêu cầu thực tế các công trình “xây dựng mới trụ sở Công an phường 8; xây dựng Ban điều hành khu phố 1 phường 10; xây dựng Ban điều hành khu phố 2 phường 10; sửa chữa nhà số 448/3E Nguyễn Tất Thành, phường 18; sửa chữa nhà số M30 Cư xá Vĩnh Hội, phường 6”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân quận 4 chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc quận đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án và báo cáo kết quả tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân cuối năm 2008.

Điều 3. Hội đồng nhân dân quận 4 giao Ủy ban nhân dân quận tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân quận cùng với 2 Ban của Hội đồng nhân dân quận phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và các đoàn thể tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư

các dự án từ nguồn vốn ngân sách tập trung do Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận 4 quản lý trong năm 2008.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 4 khóa IX kỳ họp thứ 13 thông qua và có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tường

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46/2008/NQ-HĐND

Quận 4, ngày 28 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT

Về phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách quận 4 năm 2007

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 4
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước đã được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2006/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân quận 4 Khóa IX, thông qua tại kỳ họp lần thứ 9 về dự toán và phân bổ ngân sách (điều chỉnh tại Nghị quyết số 39/2007/NQ-HĐND ngày 18 tháng 07 năm 2007 của Hội đồng nhân dân quận 4 khóa IX, thông qua tại kỳ họp lần thứ 10);

Sau khi xem xét báo cáo và Tờ trình số 18/TTr-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 4 về phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách quận 4 năm 2007; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách quận 4 năm 2007 như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 205,490 tỷ đồng

Trong đó:

- Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 83,175 tỷ đồng;
- Thuế chuyên quyền sử dụng đất: 4,929 tỷ đồng;
- Thu tiền sử dụng đất: 0,388 tỷ đồng;
- Lệ phí trước bạ: 35,555 tỷ đồng;
- Thuế thu nhập cá nhân: 2,393 tỷ đồng;
- Thuế nhà đất: 2,492 tỷ đồng;
- Tiền thuê đất: 21,169 tỷ đồng;
- Phí - lệ phí: 2,494 tỷ đồng;
- Thu khác: 17,647 tỷ đồng;
- Các khoản thu để lại đơn vị chi qua quản lý ngân sách nhà nước: 35,248 tỷ đồng.

2. Thu ngân sách địa phương năm 2007: 246,474 tỷ đồng, bao gồm:

- Thu ngân sách quận: 235,408 tỷ đồng;
- Thu ngân sách cấp phường: 36,484 tỷ đồng (trong đó: 25,418 tỷ đồng thu bổ sung cân đối từ ngân sách quận).

Điều 2. Phê chuẩn quyết toán chi ngân sách quận 4 năm 2007 như sau:

1. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2007: 173,970 tỷ đồng.

Trong đó:

- Chi ngân sách cấp quận: 169,439 tỷ đồng (có 25,418 tỷ đồng chi bổ sung cân đối ngân sách phường);

- Chi ngân sách cấp phường: 29,949 tỷ đồng.

2. Nội dung quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2007:

- Chi đầu tư phát triển: 19,068 tỷ đồng;

- Chi thường xuyên: 113,263 tỷ đồng;

- Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm 2008: 6,391 tỷ đồng;

- Chi không qua cân đối ngân sách: 35,248 tỷ đồng.

Điều 3. Xử lý số kết dư ngân sách năm 2007

Tồn quỹ ngân sách địa phương năm 2007 là 72,504 tỷ đồng. *Trong đó:*

- Ngân sách quận: 65,969 tỷ đồng;
- Ngân sách cấp phường: 6,535 tỷ đồng.

Chuyển 100% số kết dư ngân sách quận 4 năm 2007 vào thu cân đối ngân sách quận năm 2008 là: 65,969 tỷ đồng (*kèm theo báo cáo thuyết minh chi tiết số kết dư ngân sách quận năm 2007 sử dụng trong năm 2008*).

Điều 4. Giao Ủy ban nhân dân quận 4 chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc quận đảm bảo việc thực hiện các thủ tục quyết toán thu, chi ngân sách quận 4 năm 2007 theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 4 khóa IX kỳ họp thứ 13 thông qua và có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
QUẬN 4****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 47/2008/NQ-HĐND

Quận 4, ngày 28 tháng 7 năm 2008

NGHỊ QUYẾT**Về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2008****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN 4
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước đã được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 137/2007/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 42/2006/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng nhân dân quận 4 khóa IX, kỳ họp lần thứ 11 về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng đợt 1 năm 2008 nguồn vốn ngân sách tập trung, vốn quảng cáo Đài Truyền hình và vốn viện trợ phát triển (ODA);

Căn cứ Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về bổ sung kinh phí năm 2008 cho quận, huyện;

Sau khi xem xét báo cáo và Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 4 về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2008; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân quận 4 xem xét và chấp thuận điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2008 như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2008:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 178,420 tỷ đồng.

Tổng thu ngân sách địa phương: 213,085 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Thu điều tiết: 43,535 tỷ đồng;

+ Thu bổ sung từ ngân sách thành phố: 90,655 tỷ đồng;

+ Thu kết dư ngân sách năm 2007: 72,504 tỷ đồng;

+ Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước: 6,391 tỷ đồng.

Thu ngân sách địa phương: 213,085 tỷ đồng, bao gồm:

+ Thu ngân sách cấp quận: 201,281 tỷ đồng (*có 90,655 tỷ đồng do ngân sách thành phố bổ sung cân đối*);

+ Thu ngân sách cấp phường: 44,578 tỷ đồng (*có 32,774 tỷ đồng do ngân sách quận bổ sung cân đối*).

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2008:

Tổng chi ngân sách địa phương: 213,085 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Chi ngân sách cấp quận: 201,281 tỷ đồng (*có 32,774 tỷ đồng chi bổ sung ngân sách cấp phường*);

+ Chi ngân sách cấp phường: 44,578 tỷ đồng.

Phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2008 (*đính kèm biểu chi tiết*) tổng chi: 213,085 tỷ đồng, bao gồm:

* Chi đầu tư phát triển: 25,920 tỷ đồng (*có 2,920 tỷ đồng từ chuyển nguồn năm trước*).

* Chi thường xuyên: 132,839 tỷ đồng, cụ thể:

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 15,246 tỷ đồng;

+ Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo:	42,375 tỷ đồng;
+ Chi sự nghiệp y tế:	11,571 tỷ đồng;
+ Chi sự nghiệp văn hóa nghệ thuật:	2,183 tỷ đồng;
+ Chi sự nghiệp thể dục thể thao:	1,218 tỷ đồng;
+ Chi sự nghiệp xã hội:	6,762 tỷ đồng;
+ Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:	37,259 tỷ đồng;
+ Chi an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội:	7,242 tỷ đồng;
+ Quỹ khen thưởng:	624 triệu đồng;
+ Chi khác:	7,597 tỷ đồng.
* Dự phòng:	2,830 tỷ đồng.
* Tồn quỹ ngân sách:	51,494 tỷ đồng.

Trong đó:

- Ngân sách quận:	43,490 tỷ đồng;
- Ngân sách phường:	8,004 tỷ đồng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân quận 4 điều hành và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc quận đảm bảo việc thực hiện điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2008 theo quy định của pháp luật và báo cáo kết quả tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân.

Điều 3. Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân quận cùng với 2 Ban của Hội đồng nhân dân quận, các Tổ và các vị đại biểu của Hội đồng nhân dân quận giám sát việc thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận đã đề ra.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận 4 khóa IX kỳ họp thứ 13 thông qua và có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tường

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: tcb@tphcm.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng